

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 13-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
và hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;
2. Bà Đào Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 369/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1965;

Bà Vũ Thị M, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tinh bột sản D; địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh Hoàng S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 07 đường H, phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T1 (Văn bản ủy quyền ngày 27-12-2019) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tinh bột sản C (sau đây gọi tắt là Công ty) có mối quan hệ làm ăn với nhau nhiều năm. Ngày 13-7-2018 ông cho Công ty vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, có lập giấy mượn tiền do bà Trần Thị T2 – đại diện Công ty ký tên, không thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, khi nào ông cần lấy lại tiền thì báo trước cho Công ty 01 tuần. Công ty trả tiền lãi cho ông được 08 tháng (từ tháng 7-2018 đến tháng 3-2019) tương đương số tiền 240.000.000 đồng. Từ tháng 4-2019 Công ty ngưng trả lãi, cho đến nay Công ty vẫn chưa thanh toán tiền nợ gốc cũng như tiền lãi cho ông.

Từ ngày 01-9-2019 đến ngày 26-9-2019, ông có bán mì (sắn) cho công ty 397,510 tấn với số tiền là 1.039.785.000 đồng (có bảng kê). Khi mua bán hai bên có thỏa thuận với nhau Công ty trả công trợ giá cho ông 20 đồng/kg mì tương đương số tiền trợ giá là 7.950.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty phải trả cho ông theo hợp đồng mua bán mì là 1.047.735.000 đồng. Từ ngày 06-9-2019 đến 08-01-2020 Công ty trả cho ông được số tiền 800.000.000 đồng, còn nợ lại 247.735.000 đồng.

Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông chấp nhận khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật vào số tiền nợ gốc, còn lại bao nhiêu ông yêu cầu Công ty có trách nhiệm trả cho ông và tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13-3-2019 đến nay 13-5-2020 với mức lãi suất là 1,66%/tháng; về khoản nợ của hợp đồng mua bán ông chỉ yêu cầu Công ty trả cho ông số tiền 47.735.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn – bà Vũ Thị M trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Duy T, bà thống nhất lời trình bày của ông T. Yêu cầu Công ty trả cho vợ chồng bà số tiền mua bán mì là 47.735.000 đồng; về nợ vay bà thống nhất khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định pháp luật vào số nợ gốc, còn lại bao nhiêu bà yêu cầu Công ty trả cho vợ chồng bà và yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 13-3-2019 đến nay 13-5-2020.

Bị đơn: Công ty TNHH Tinh bột sản C, do anh Nguyễn Mạnh Hoàng S đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị T1 trình bày:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của công ty vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết, anh Nguyễn Mạnh Hoàng S trình bày: Anh là đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị T1 – đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tinh bột sản C. Công ty thừa nhận có nợ ông Nguyễn Duy T số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, khi vay thì bà Trần Thị T2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty, ngày 20-8-2019 thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị T1.

Đối với số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán mì, thừa nhận Công ty và ông T có giao dịch mua bán mì (sắn) tổng khối lượng là 397,510 tấn, tương đương số tiền 1.039.785.000 đồng. Đến thời điểm hiện nay Công ty đã thanh toán cho ông T 800.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 239.785.000 đồng.

Như vậy, Công ty nợ ông T tổng cộng là 1.239.785.000 đồng, Công ty đồng ý trả cho vợ chồng ông T bà M, tuy nhiên do tình hình công ty đang gặp khó khăn nên xin được trả dần cho ông T bà M mỗi tháng 100.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Đối với số tiền trợ giá là 7.950.000 đồng và tiền lãi vay của khoản nợ 1.000.000.000 đồng, Công ty không đồng ý trả do không có thỏa thuận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xét thấy yêu cầu thay đổi phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty có trách nhiệm trả cho ông T bà M số tiền nợ gốc sau khi khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định pháp luật và tiền lãi theo quy định pháp luật, buộc Công ty trả tiền còn nợ lại của hợp đồng mua bán mì là 39.785.000 đồng, tiền trợ giá là 7.950.000 đồng. Công ty phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bị đơn đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 177, 178 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản: Ông T, bà M và Công ty thừa nhận có lập giấy mượn tiền ngày 13-7-2018, theo đó ông T cho Công ty vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận lãi suất, không có kỳ hạn. Tháng 4-2019 ông T, bà M yêu cầu Công ty trả cho ông bà số tiền trên nhưng Công ty chưa trả nên ông bà khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13-3-2019 đến nay. Công ty thừa nhận chưa trả cho ông T bà M số tiền trên, nay đồng ý trả, tuy nhiên số tiền lãi Công ty không đồng ý trả. Quá trình giải quyết vụ án,

ông T, bà M thừa nhận có nhận số tiền lãi 08 tháng là số tiền 240.000.000 đồng; bà T2 – đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm hai bên giao dịch vay tiền thừa nhận có thỏa thuận lãi 3%/tháng và đã trả lãi là 240.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T bà M đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật vào số tiền nợ gốc. Xét thấy việc hai bên có thỏa thuận lãi 3%/tháng, số tiền lãi ông T, bà M đã nhận của Công ty là 240.000.000 đồng là có thật, mức lãi suất hai bên thỏa thuận 3% là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định mà ông T, bà M đã nhận vào số nợ gốc công ty đã vay, cụ thể:

Tiền lãi theo quy định pháp luật là: $1,66\%/tháng \times 1.000.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} (13-7-2018 \text{ đến } 13-3-2019) = 132.800.000 \text{ đồng}$, như vậy số tiền lãi vượt quá quy định là 107.200.000 đồng (240.000.000 đồng – 132.800.000 đồng) được khấu trừ vào số nợ gốc 1.000.000.000 đồng, như vậy số tiền nợ gốc Công ty còn nợ lại ông T, bà M là 892.800.000 đồng.

Tiền lãi Công ty phải trả theo quy định: $892.800.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 14 \text{ tháng} (từ 13-3-2019 \text{ đến } 13-5-2020) = 207.486.720 \text{ đồng}$.

[3] Xét hợp đồng mua bán:

Ông T, bà M và Công ty thống nhất hai bên có giao dịch mua bán mì, cụ thể ông T bán cho Công ty tổng khối lượng là 397,510 tấn, tương đương số tiền 1.039.785.000 đồng. Đến nay Công ty đã trả cho ông T, bà M số tiền 800.000.000 đồng, còn nợ lại 239.785.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông bà và Công ty đã tự thỏa thuận số tiền 200.000.000 đồng, nay ông bà chỉ yêu cầu Công ty trả số tiền 39.785.000 đồng và tiền trợ giá là 7.950.000 đồng. Quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của Công ty thừa nhận còn nợ ông T bà M số tiền trên, nhưng không đồng ý trả khoản tiền công trợ giá mì, tuy nhiên bà T2 – đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm thỏa thuận thừa nhận hai bên có thỏa thuận trợ giá như ông T trình bày và hiện nay Công ty chưa trả khoản tiền này cho ông T. Xét thấy, đây là thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật do đó chấp nhận yêu cầu trả khoản tiền trợ giá mì của ông T là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty xin được trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 4-2020 cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn không đồng ý việc Công ty xin trả dần. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của Công ty.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật. Buộc Công ty có nghĩa vụ trả cho ông T, bà M tổng cộng số tiền: 1.148.021.720 đồng, trong đó tiền nợ vay là 892.800.000 (tám trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng và tiền lãi là 207.486.720 đồng, tiền mua bán mì và trợ giá mì là 47.735.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm khi toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: Công ty phải chịu: 36.000.000 đồng + $[(1.148.021.720 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\%]$ = 46.440.650 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 434, 440, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T và bà Vũ Thị M đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tinh bột sản C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tinh bột sản Châu có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy T, bà Vũ Thị M số tiền: 1.148.021.720 (*một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi một nghìn bảy trăm hai mươi*) đồng, trong đó tiền nợ vay là 892.800.000 đồng, tiền lãi là 207.486.720 đồng, tiền mua bán mì và trợ giá là 47.735.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tinh bột sản C phải chịu 46.440.650 (*bốn mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn sáu trăm năm mươi*) đồng.

Ông T, bà M không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông T, bà M 30.116.025 (*ba mươi triệu một trăm mười sáu nghìn không trăm hai mươi lăm*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003755 ngày 30-9-2019.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ